TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/DS-ST
Ngày: 10/9/2020
"*V/v: tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thành.
2. Ông Trịnh Duy Phước.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A: ông Lê Minh Ngọc- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2020/TLST-DS ngày 13/4/2020 về việc việc "Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-DS ngày ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lương Thị N, sinh năm 1935; địa chỉ: Tổ 8, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Cao Thị Mi S, sinh năm 1985 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: ông Nguyễn C, sinh năm: 1968; địa chỉ: Tổ 8, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng bên bị đơ*n: Bà Nguyễn Thị P; sinh năm: 1966; địa chỉ: Tổ 8, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Đã ủy quyền cho ông Nguyễn C theo giấy ủy quyền lập ngày 05/9/2020. Ông C có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lương Thị N trình bày: Bà là mẹ của ông Nguyễn C và mẹ chồng của bà Nguyễn Thị P. Bà có cho vợ chồng ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị P số tiền 150.000.000 đồng và 01cây (lượng) vàng 9 tuổi 8 (9t8), vào ngày 15/7/2019

Âm lịch (tức ngày 15/8/2019 Dương lịch), ông C và bà P có viết "Giấy cho tiền", trong đó có xác nhận việc cho vàng và tiền nêu trên, trong "Giấy cho tiền" ông C có ghi điều kiện là vợ chồng ông C phải có trách nhiệm nuôi bà N đến cuối đời. Tuy nhiên, sau khi viết giấy thì vợ chồng ông C chỉ chăm sóc bà N được một thời gian, từ sau tết âm lịch 2020 đến nay không chăm sóc, nuôi dưỡng bà N nữa.

Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn C hoàn trả cho bà 150.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà N 01 lượng vàng y 9T8 (trị giá hiện nay là 48.000.000 đồng), tổng cộng là 198.000.000 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Nguyễn C trong bản khai và tại phiên tòa hôm nay trình bày: Tôi thừa nhận từ năm 2008 đến năm 2019, mẹ tôi là bà N có cho tôi nhiều lần tiền tổng cộng là 150.000.000 đồng, vào ngày 15/7/2019 Âm lịch (tức ngày 15/8/2019 Dương lịch), mẹ tôi có yêu cầu tôi viết giấy và tôi đã viết, nội dung là mẹ tôi bà N cho vợ chồng tôi số tiền là 150.000.000 đồng với thỏa thuận là tôi có trách nhiệm nuôi mẹ đến cuối đời, mục đích theo mẹ tôi nói là để cho mẹ tôi vui. Hiện nay do nhiều lý do khác nhau mà vợ chồng không thể chăm sóc mẹ được và vợ chồng tôi đã đi ra ngoài thuê nhà sống riêng. Nay mẹ ttooi khởi kiện đòi lại số tiền và vàng đã cho vợ chồng tôi thì tôi không đồng ý trả, vì tôi không vi phạm hợp đồng với mẹ tôi, mà chính mẹ tôi vi phạm hợp đồng, không để vợ chồng tôi chăm sóc, nuôi dưỡng cho bà, nên tôi không đồng ý trả lại tiền vàng cho bà.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng bên bị đơn bà Nguyễn Thị P trong bản khai và lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa trình bày: Tôi thừa nhận mẹ tôi bà N có cho tôi số vàng là 01 cây (lượng) vàng 9t8, trị giá hiện nay là 48.000.000đ, ý kiến tôi là mẹ tôi cho tôi số vàng trên tôi đã chi dùng cho việc ăn uống và nuôi mẹ tôi những lúc ốm đau đến nay không còn nữa, nên tôi không đồng ý trả như yêu cầu khởi kiện, còn nếu tôi xin con tôi được hàng tháng tôi có thể gửi cho mẹ tôi năm ba trăm nghìn để mẹ tôi chi tiêu.

Tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bị đơn ông C và bà P phải trả cho bà N 150.000.000đ và 1 lượng vàng 9t8 theo mức trị giá bà N yêu cầu là 48.000.000đ, vì lý do: ông C và bà P vi phạm điều kiện đã cam kết trong "Giấy cho tiền", không trực tiếp nuôi dưỡng và cũng không chu cấp tiền cho ai để nuôi dưỡng bà N từ tháng 11 năm 2019 đến nay.

Tại phiên tòa: Kiểm sát phát biểu ý kiến và đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn C và vợ là bà Nguyễn Thị P phải liên đới trả cho bà Lương Thị N số tiền 150.000.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu về việc buộc bà Nguyễn Thị P hoàn trả 01 lượng vàng 9t8, vì khi bà N cho vàng thể hiện tại "Giấy cho tiền" không kèm theo điều kiện nào, nên bà P không có nghĩa vụ phải trả lại khoản tiền này.

Về án phí: Buộc ông C và bà P phải liên đới chịu 7.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà N được miễn án phí nên không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua nghe lời trình bày, ý kiến tranh luận của nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và ý kiến của kết luận đề xuất hướng giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà N yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị P; địa chỉ: Tổ 8, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải trả lại số tiền, vàng đã cho. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng tặng cho tài sản", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên Bị đơn bà Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt và ủy quyền cho ông C tham gia tố tụng, nên Tòa án tiến hành theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về pháp luật áp dụng: Các đương sự trong vụ án tranh chấp đối với việc tặng cho tài sản được xác định thông qua "Giấy cho tiền" lập ngày ngày 15/8/2019, nên áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[4] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà N cho rằng ông C và bà P đã không thực hiện đúng cam kết nuôi dưỡng bà đến cuối đời như trong "Giấy cho tiền" mà ông C đã viết vào ngày 15/7/2019 Âm lịch (tức ngày 15/8/2019 Dương lịch), nên bà N đòi lại khoản tiền, vàng đã cho ông C, bà P.

Ông C, bà P đã thừa nhận bà N có cho ông C 150.000.000đ, cho bà P 1 cây (lượng) vàng 9t8, với giá trị hiện nay là 48.000.000đ như bà N trình bày. Ông C thừa nhận có viết "Giấy cho tiền" vào ngày 15/8/2019 Dương lịch và trong giấy đó ông có ghi cam kết "con có trách nhiệm nuôi mẹ đến cuối đời của mẹ" như chứng cứ mà bà N xuất trình; ông C, bà P thừa nhận từ tháng 11/2019 đến nay vợ chồng ông không ở chung, không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không và cũng không cấp dưỡng để ai thay vợ chồng ông nuôi dưỡng bà N nữa, nên đây là điều không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo chứng cứ là "Giấy cho tiền" đề ngày 15/8/2019 mà bà N nộp đã được bên bị đơn thừa nhận có nội dung:

- Phần ông C ghi: " Mẹ là Lương Thị N cho con trai là Nguyễn C, con dâu là Nguyễn Thị P số tiền trước sau là 150.000.000đ, có trách nhiệm nuôi mẹ đến cuối đời của mẹ".

- Phần bà P ghi: "má là Lương Thị N cho con dâu 1 cây vàng, con cảm ơn má".

Như vậy: nội dung thể hiện trong phần ghi của ông C là loại giao dịch dân sự về Hợp đồng tặng cho tài sản có điều kiện, theo quy định tại khoản 3 Điều 462 Bộ luật dân sự. Trong đó bà N tặng cho ông C, bà P trước sau với số tiền 150.000.000đ, ông C cam kết nuôi bà N đến cuối đời. Tuy nhiên ông C, bà P đã vi phạm cam kết này, ông C, bà P đã ra ở riêng từ tháng 11 năm 2019, không còn trực tiếp nuôi dưỡng bà N từ đó đến nay, nên bà N đòi lại số tiền này là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 462 Bộ luật dân sự.

Nội dung thể hiện trong phần ghi của bà P là loại giao dịch dân sự về Hợp đồng tặng cho tài sản không điều kiện, được quy định tại Điều 457 và 458 Bộ luật dân sự, trong đó bà N cho bà P 1 cây (lượng) vàng 9t8, không kèm theo bất kỳ điều kiện gì. Do vậy, hợp đồng đã có hiệu lực ngay thời điểm bà P nhận đủ số vàng bà N cho, bà N đòi lại số vàng này của bà P là không có căn cứ.

Vì vậy, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Nguyễn C và vợ là Nguyễn Thị P phải liên đới trả cho bà Lương Thị N số tiền 150.000.000đ.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị N về việc buộc bà Nguyễn Thị P trả lại 1 cây (lượng) vàng 9t8.

[5] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Toà án chấp nhận là 150.000.000đ x 5% = 7.500.000đđ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Nguyên đơn bà Lương Thị N được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 288, 357, 457, 458, khoản 1, 3 Điều 462 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 25 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị N, cụ thể như sau:

- Buộc ông Nguyễn C và vợ là Nguyễn Thị P phải liên đới trả cho bà Lương Thị N số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị P hoàn trả 01 lượng vàng 9 tuổi 8.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. *Về án phí*: Buộc ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Nguyên đơn bà Lương Thị N được miễn nộp án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (10/9/2020), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Long Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Xuân Thành **Trịnh Duy Phước** **Lê Long Sơn**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Long Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Hòa Bình **Phan Đình Nguyên** **Lê Long Sơn**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Long Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
Nguyễn Hòa Bình	**Phan Đình Nguyên**	**Lê Long Sơn**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Long Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Huê **Võ Thanh Bảo** **Lê Long Sơn**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phan Đình Nguyên **Trần Thị Kia** **Lê Long Sơn**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Long Sơn